

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2017/HSPT

Ngày: 21/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Luông.
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Trần Trí Thức - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương, mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 70/2017/HSPT ngày 30 tháng 5 năm 2017, đối với bị cáo Nguyễn Văn D. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2017/HSST, ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1979, tại tỉnh Cà Mau; thường trú: Ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1947 và bà Lê Thị M, sinh năm 1958; vợ: Trần Ngọc Đ, sinh năm 1980 (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2005; tiền án: Ngày 29/9/2011, Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 185/2011/HSST; Ngày 26/3/2015, Tòa án nhân dân thị xã B1, tỉnh Bình Dương xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 49/2015/HSST; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/4/2003, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 16/2003/HSST; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/11/2016 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có 02 người bị hại nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

Nội dung vụ án:

Theo Bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T và Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2017/HSST ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D là công nhân làm việc tại thị xã U, tỉnh Bình Dương. Khoảng 10 giờ 45 phút, ngày 05/11/2016 D đem theo cây sắt tròn, dài 40 cm, điều khiển xe mô tô, hiệu Yamaha Sirius, biển số 69D1-275.24, đi từ thị xã U, tỉnh Bình Dương đến phòng trọ của em trai D là Nguyễn Vũ L1 ở phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khi điều khiển xe qua Công an phường H khoảng 150m thì D phát hiện một dãy nhà trọ không có cổng rào, không người trông giữ, nên cho xe rẽ vào dãy trọ để trộm tài sản. Quan sát thấy phòng trọ số 2 của Nguyễn Hùng T và Nguyễn Ngọc L, khóa cửa bên ngoài, D sử dụng cây sắt tròn mang theo sẵn bẻ ổ khóa. Vào được phòng trọ, D lấy trộm một chiếc ba lô bằng vải màu đen hiệu Samsonite, bên trong có 01 bóp da màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Nokia C3 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung GT-S7562. Sau khi lấy được tài sản D đặt chiếc ba lô lên xe rồi đẩy ra khỏi dãy nhà trọ. Đi được khoảng 03m thì D bị T và L phát hiện tri hô. D bỏ chạy được khoảng 500m thì Công an phường Hòa Phú trên đường tuần tra, phát hiện, bắt giữ, thu giữ: 01 xe mô tô, biển số 69D1-275.24; 01 thanh sắt dài 40 cm; 01 ba lô màu đen, hiệu Samsonite; 01 bóp da bên trong có 90.000 đồng; 01 điện thoại di động, hiệu Nokia C3; 01 điện thoại di động, hiệu Samsung GT-7562.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 243/KLTS-TTHS ngày 10/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Nokia C3 trị giá 300.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung GT-7562 trị giá 500.000 đồng; 01 bóp da màu đen trị giá 50.000 đồng (bên trong bóp có 90.000 đồng); 01 ba lô màu đen hiệu Samsonite trị giá 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản D trộm cắp của Nguyễn Hùng T và Nguyễn Ngọc L là 1.040.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2017/HSST ngày 23/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/3/2017, bị cáo Nguyễn Văn D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (đơn kháng cáo trong thời hạn luật định);

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án: Tội danh, điều luật Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo D là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Mức hình phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đối với bị cáo Nguyễn Văn D mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T đối với bị cáo.

Bị cáo D trình bày ý kiến: Bị cáo biết việc làm của bản thân là sai nên rất hối hận, bản án sơ thẩm là phù hợp đối với bị cáo. Nhưng bị cáo muốn kháng cáo để trình bày thêm sự việc khác để được giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo không thể trình bày với Hội đồng xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm. Lời khai của bị cáo hôm nay thống nhất với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 05/11/2016, tại khu phố 1, phường H, thành phố T, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc ba lô, bên trong có 02 chiếc điện thoại di động và 01 bóp da bên trong bóp có 90.000 đồng, của Nguyễn Hùng T, Nguyễn Ngọc L, với tổng giá trị tài sản là 1.040.000 đồng. Mặc dù giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, nhưng bản thân bị cáo chưa được xóa án tích về hành vi chiếm đoạt trước đó, nên hành vi bị cáo thực hiện trong vụ án này đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản nên biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm thỏa mãn tính tham lam tư lợi của bản thân, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả.

Xét kháng cáo của bị cáo D: Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và tuyên xử bị cáo 09 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm là có cơ sở nên được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2017/HSST ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2016.

2. Về Án phí:

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo D phải nộp 200.000 đồng.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh BD; | 1 |
| - Phòng PV 27 CA tỉnh BD; | 1 |
| - Trại tạm giam CA tỉnh BD; | 1 |
| - TAND tp T; | 2 |
| - VKSND tp T; | 1 |
| - C.cục THADS tp T; | 1 |
| - CQCSĐT CA tp T; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Lưu HS; Tổ HCTP. | 3 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Luông